

VĂN HÓA - LỊCH SỬ**NGUYỄN ÁNH - GIA LONG: 200 NĂM NHÌN LẠI**

Nguyễn Quang Trung Tiến*

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử Việt Nam, bất cứ một cá nhân, triều đại nào có dựa vào sự giúp sức của các thế lực ngoại bang để tạo dựng, duy trì, khôi phục vương quyền của mình cũng đều bị dư luận xã hội lên án. Những Trần Ích Tắc hay Lê Chiêu Thống trong quá khứ xa xưa là những thí dụ điển hình.

Bởi vậy, việc cầu viện quân Xiêm và nước Pháp của Nguyễn Ánh trong cuộc chiến khôi phục vương quyền của họ Nguyễn cuối thế kỷ XVIII là một “vết mờ” khó tẩy rửa trước lịch sử; bất chấp Hoàng đế Gia Long và triều Nguyễn ở thế kỷ XIX đã có những đóng góp lớn lao cho đất nước, để lại nhiều di sản đồ sộ, vô giá cả về vật thể và phi vật thể, đặc biệt là tạo dựng được những cơ sở pháp lý quốc tế vững chắc về chủ quyền biển đảo của Việt Nam, trực tiếp xác lập chủ quyền chính thức về mặt Nhà nước ở các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ năm 1816.

Tuy nhiên, mọi sự vật, hiện tượng luôn vận động và phát triển không ngừng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Vì thế, nếu xem xét một giai đoạn lịch sử/hay nhân vật lịch sử, chỉ bằng một lát cắt đứng yên, sẽ hoàn toàn đi ngược với chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Từ đó, sẽ dẫn đến những bế tắc, không lý giải được lịch sử, hoặc lệch lạc trong nhận thức, đánh giá đối với giai đoạn lịch sử/nhân vật lịch sử đó, đẩy nhận thức hướng theo những cực đối trọng nhau và đều mang tính cực đoan.

Trong các trường hợp có dựa vào sự giúp sức của ngoại bang để mưu cầu vương quyền kể trên, chỉ duy nhất Nguyễn Ánh đã trở thành vua (Gia Long), tạo dựng được một vương triều hoàn toàn độc lập, không chấp nhận lệ thuộc ngoại bang, thậm chí quay lưng với đồng minh cũ một cách quyết liệt ở các triều vua kế nhiệm cho đến lúc thua cuộc năm 1885, gắn liền với sự kiện vua Hàm Nghi xuất bôn kháng chiến chống Pháp với Phong trào Cần vương rầm rộ trên phạm vi toàn quốc.

Đối với trường hợp này, nếu chỉ đứng trên một lát cắt lịch sử là nhà Tây Sơn tiến bộ, tốt đẹp, vua Quang Trung vĩ đại, thiên tài; còn các chúa Nguyễn cùng Nguyễn Ánh là hậu duệ của dòng chúa gây nên sự chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài, bản thân cậy nhờ thế lực nước ngoài, từ Xiêm đến Pháp, để mưu cầu quyền

* Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

lợi ích kỹ của dòng họ, đi ngược lại nguyện vọng của nhân dân, v.v. thì sẽ không bao giờ giải thích được vì sao họ Nguyễn lại thắng nhà Tây Sơn, “tiêu cực thắng tích cực”, cũng như sẽ không bao giờ coi bỏ được định kiến (nhằm lẫn) là triều Nguyễn hoàn toàn xấu xa, còn nhà Tây Sơn thì ngược lại. Và dĩ nhiên, lịch sử sẽ vẫn còn những trang sách thiếu minh bạch.

2. Đại bi kịch Nguyễn Ánh - Gia Long

Khi đứng trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, dùng phép biện chứng duy vật để phân tích, đánh giá giai đoạn lịch sử này, rõ ràng trong dòng chảy lịch sử đó có khá nhiều lát cắt và sự vận động, phát triển, chuyển hóa không ngừng giữa tốt thành xấu, tích cực thành tiêu cực, và ngược lại.

Nhà Tây Sơn mà đỉnh cao là triều đại Quang Trung đã lập nên những chiến công hiển hách trong lịch sử giữ nước của dân tộc, đập tan ý đồ xâm lược của vua Xiêm và nhà Mãn Thanh, bảo vệ vẹn toàn nền độc lập của đất nước cuối thế kỷ XVIII. Đặc biệt, phong trào Tây Sơn còn lật đổ được hai thế lực phong kiến cát cứ Trịnh - Nguyễn ở Đàng Ngoài và Đàng Trong, lấp bằng “hận Sông Gianh” đã chia cắt hai miền ngót hai thế kỷ, tạo nền tảng vững chắc cho công cuộc thống nhất đất nước của dân tộc cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX.

Những thành tựu tốt đẹp trong cả đối nội và đối ngoại cộng với chính sách cải cách tiên bộ dưới triều Quang Trung hứa hẹn sự phát triển thuận lợi cho nhà Tây Sơn cùng sự đi lên của đất nước; nhưng sự không đồng tâm trong nội bộ và cái chết đột ngột của vua Quang Trung năm 1792 đã đẩy nhà Tây Sơn vào sự suy yếu nghiêm trọng, để rồi chấm dứt sự nghiệp vào 10 năm sau đó.

Nhà Tây Sơn sụp đổ là một nỗi đau của lịch sử dân tộc, rất khó biện giải. Nhưng những điều xảy ra trong lịch sử vốn dĩ đều có căn nguyên, vì vậy, sự sụp đổ của nhà Tây Sơn cũng bắt nguồn từ chính những lý do của lịch sử đất nước giai đoạn này.

Sau chiến thắng thuyết phục trước quân Xiêm ở trận Rạch Gầm - Xoài Mút (tháng 01/1785), Nguyễn Huệ đã ngăn chặn được sự hậu thuẫn của một thế lực bên ngoài cho Nguyễn Ánh ở Gia Định; từ đó quân Xiêm không còn ra mặt giúp Nguyễn Ánh. Nhưng kể từ sau Hiệp ước Versailles 28/11/1787, tuy hiệp ước không được thi hành, song với sự ủng hộ của một số người Pháp thông qua Giám mục thành Adran, tức Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc), lực lượng Nguyễn Ánh quay trở lại tấn công Gia Định. Thế và lực của Nguyễn Ánh ngày càng mạnh khiến Nguyễn Lữ e ngại, để Gia Định cho Phạm Văn Tham giữ và mang quân bản bộ rút chạy về Quy Nhơn, rồi lâm bệnh qua đời. Quân Tây Sơn ở Gia Định đã ít lại càng thêm mỏng.

Mặc dù Phạm Văn Tham nỗ lực chống trả quyết liệt, nhưng vì không được cứu viện nên vào tháng 9 năm 1788, Nguyễn Ánh chiếm lại được Gia Định. Phạm Văn Tham rút chạy ra ngoài đơn độc chiến đấu, cố chờ viện binh, nhưng ngày càng vô vọng vì lúc đó Nguyễn Nhạc chỉ lo phòng bị ở phía bắc mà không đoái hoài đến

việc cứu phía nam nữa. Thế cùng lực kiệt, tháng 02 năm 1789 Phạm Văn Tham bị Nguyễn Ánh vây chặt, bịt đường ra biển về Quy Nhơn nên đã đầu hàng. Gia Định lọt vào tay của Nguyễn Ánh từ đó.



Hình 1: Nguyễn Ánh (Gia Long) với Giám mục Pigneau de Béhaine qua tranh minh họa của L. Ruffier đăng trên tờ *La Dépêche coloniale illustrée*. N° 3. le 15 Février 1909. Paris.

Trên vùng đất Gia Định, khác với nhà Tây Sơn chủ yếu quan tâm hoạt động quân sự và thu thuế, Nguyễn Ánh đã thi hành một số chính sách nhằm ổn định xã hội, phát triển kinh tế như chiêu mộ dân lưu tán, cho miễn thuế và tạp dịch, ưu đãi và làm sổ riêng cho người Hoa⁽¹⁾... Chính sách của Nguyễn Ánh nhằm vào sự thu phục lòng người, phục hồi và phát triển nông nghiệp, biến Gia Định trở thành vùng đất đứng chân vững vàng của họ Nguyễn.

Nhân lúc Nguyễn Huệ bận đối phó tình hình Bắc Hà, Nguyễn Lữ lại qua đời, Nguyễn Nhạc bất lực, Nguyễn Ánh từ Gia Định đánh lần ra Diên Khánh, Bình Thuận. Nguyễn Nhạc thế cô không cứu được, chỉ còn lo giữ các vùng còn lại ở Phú Yên, Quy Nhơn, Quảng Ngãi. Áp lực của Nguyễn Ánh từ Gia Định ngày càng lớn dần, đẩy nhà Tây Sơn vào thế phải chống đỡ.

Sau chiến thắng quân Mãn Thanh và bước đầu ổn định tình hình Bắc Hà, để trừ họa phương Nam, vua Quang Trung chuẩn bị phối hợp với Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn đem quân vào Nam đánh Gia Định. Nhưng Quang Trung đột ngột qua đời vào 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792), công cuộc chinh Nam của nhà Tây Sơn đành bỏ dở do không còn ai đủ hùng tâm tiếp nối tâm huyết vì quốc gia đại sự của Hoàng đế Quang Trung.

Việc làm chủ đất Gia Định của Nguyễn Ánh ngay trước lúc vua Quang Trung qua đời cho thấy nhà Tây Sơn chưa có chính sách phù hợp với đất miền Nam, thế và lực của Tây Sơn ở đó cũng không đủ mạnh, đặc biệt Nguyễn Lữ và một phần là Nguyễn Nhạc không phải là đối thủ của Nguyễn Ánh. Trong khi đó, Nguyễn Ánh ít nhiều đã thu phục được lòng dân, đặc biệt là sự ủng hộ của một bộ phận các điền chủ lớn tại miền Nam. Điều đó càng có giá trị lớn cho họ Nguyễn khi nội bộ nhà Tây Sơn giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ thiếu sự tập trung đối phó mầm họa lớn lao này, không có chính sách rõ ràng ở Gia Định, dẫn đến kết quả lực lượng Tây Sơn của Nguyễn Lữ đơn độc, không được sự tiếp viện kịp thời từ phía Bắc nên dễ mất đất.

Vua Quang Trung mất đi đồng nghĩa đối thủ có khả năng tiêu diệt chúa Nguyễn không còn. Thế lực của Nguyễn Ánh lấn lướt hoàn toàn so với Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn, đồng thời trở thành áp lực đè nặng lên vai của vua Quang Toản còn nhỏ và một triều đình không còn minh chủ ở Phú Xuân. Đất Nam Bộ trở thành nơi cung cấp nguồn nhân tài và vật lực lớn lao cho Nguyễn Ánh, là nơi quyết định sự tồn vong của hậu duệ Hoàng đế Quang Trung, đồng thời là đất quyết định cả hướng đi của lịch sử dân tộc.

Vua Quang Trung mất, con trai là Quang Toản mới 10 tuổi lên nối ngôi, lấy niên hiệu Cảnh Thịnh, khiến nhà Tây Sơn rơi vào thế suy yếu vì không có người cầm chịch, nội bộ xảy ra tranh chấp, ngoại thích lộng quyền, quyền lực tập trung vào Bùi Đắc Tuyên. Sự tranh quyền đoạt lợi trong nội bộ Tây Sơn quyết liệt đến mức vợ vua Quang Trung là Hoàng hậu Lê Ngọc Hân phải đem con ra khỏi cung ẩn náu trong một ngôi chùa (và mất vào tháng 11 năm Kỷ Mùi, 1799).⁽²⁾

Tháng 9 năm 1793, thừa thế xông lên, Nguyễn Ánh đem quân đánh Nguyễn Nhạc, chiếm Phú Yên, vây thành Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc không chống nổi liền cầu cứu Phú Xuân. Vua Quang Toản sai Phạm Công Hưng, Nguyễn Văn Huân, Lê Trung, Ngô Văn Sở đem quân vào cứu, khiến quân Nguyễn Ánh phải rút lui. Nguyễn Nhạc mang vàng bạc ra khao quân Phú Xuân, nhưng Phạm Công Hưng vẫn chiếm cứ thành Quy Nhơn, kê biên kho tàng. Thấy cơ nghiệp của mình sắp truyền cho con lại bị cháu chiếm đoạt, Nguyễn Nhạc uất hận thổ huyết qua đời vào tháng 11/1793. Nguyễn Nhạc mất, quân Phú Xuân nhân đó chiếm luôn đất đai, sáp nhập cả Quảng Nam và Quảng Ngãi, rồi an trí con Nguyễn Nhạc là Quang Bảo ra ăn lộc ở huyện Phù Ly.

Nội bộ Tây Sơn ngày càng thể hiện sự mâu thuẫn khi vào tháng 6/1795 tướng Vũ Văn Dũng giết Thái sư Bùi Đắc Tuyên, rồi phái Hộ giá Nguyễn Văn Huân đem quân vào Quy Nhơn giành binh quyền của Lê Trung và Trần Quang Diệu. Lúc này Trần Quang Diệu đang đi đánh Nguyễn Ánh ở Diên Khánh, nghe tin bị nghi oan đành rút quân về.

Biến loạn nội bộ tạm thời qua đi nhưng càng làm chính quyền Tây Sơn suy yếu, nghi kỵ lẫn nhau, khiến một bộ phận tướng lĩnh bất mãn bỏ sang theo Nguyễn Ánh. Nguyễn Ánh nhân cơ hội đó ra sức mở cuộc tấn công quân Tây Sơn ở nhiều nơi.

Tháng 12 năm 1798, Quang Bảo con của Nguyễn Nhạc đánh chiếm thành Quy Nhơn, viết thư hàng Nguyễn Ánh. Vua Quang Toản cho người giết chết anh họ, sát hại cả Trần thủ Lê Trung và Thiệu bảo Nguyễn Văn Huân. Quan lại trong triều càng chia phe phái chống đối nhau kịch liệt.⁽³⁾

Tận dụng cơ hội Tây Sơn chia rẽ nội bộ, tháng 5/1799 Nguyễn Ánh đem đại binh đánh Quy Nhơn lần thứ ba, Lê Chất đem một toán quân đầu hàng. Thành Quy Nhơn bị vây khốn, các đạo quân ứng cứu của Tây Sơn bị đánh chặn ở Quảng Ngãi, nên tháng 7/1799 Trần thủ Lê Văn Thanh đem hơn 1 vạn quân vào thành Quy Nhơn đầu hàng Nguyễn Ánh.

Tháng 01 năm 1800, vua Quang Toản sai Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng đem quân vào vây thành Quy Nhơn, chiếm lại Phú Yên. Tướng của Nguyễn Ánh là Võ Tánh tử thủ cầm chân hai danh tướng Tây Sơn tại Quy Nhơn hơn một năm. Đến tháng 6/1800, quân Nguyễn Ánh chiếm lại Phú Yên, bãi bỏ sưu ruộng (vào tháng 02/1801) để thu phục nhân tâm ở đó, đồng thời đánh tan thủy quân Tây Sơn ở cửa Thị Nại. Tháng 4/1801 quân Nguyễn Ánh chiếm thêm được đất Quảng Nam.

Nhận thấy tình hình Tây Sơn đều tập trung cả ở chiến trường Quy Nhơn nên Nguyễn Ánh mang quân chủ lực vượt biển ra đánh Phú Xuân - Huế vào tháng 6/1801. Quang Toản đích thân chỉ huy chống giữ nhưng thua trận, rút chạy ra Bắc, quân Nguyễn Ánh chiếm được kinh đô Phú Xuân - Huế vào 15/6/1801. Cũng trong thời gian này, quân Tây Sơn do Trần Quang Diệu chỉ huy chiếm lại được Quy Nhơn, rồi tiến đánh Quảng Nam, nhưng bị thua lớn ở Trà Khúc thuộc Quảng Ngãi.

Tháng 12 năm 1801, từ đất Bắc, vua Quang Toản cùng Nguyễn Quang Thùy chỉ huy 3 vạn quân tấn công vào phía nam, đến tháng 2 năm 1802 vượt qua được Sông Gianh, nhưng lại thất trận nặng nề ở cửa Nhật Lệ, quân đội tan vỡ, phải thua chạy ra Bắc, sự sụp đổ của nhà Tây Sơn gần kề.⁽⁴⁾

Từ những thắng lợi liên tiếp đó, tháng 6/1802 Nguyễn Ánh lên ngôi, đặt niên hiệu Gia Long, ban hành 6 điều ân điển tha thuế thóc thiếu của những năm trước, thả tù đang giam giữ, giảm 2/10 thuế sai dư của các hộ biệt nạp và thuế vật... để thu phục lòng người; đồng thời mở cuộc tiến công ra Bắc.

Từ 17 tháng 5 đến 17 tháng 6 Nhâm Tuất (1802), quân Nguyễn lần lượt đánh chiếm Hoàn Sơn, Nghệ An, Thanh Hoa, Thăng Long. Trần Quang Diệu dù đã chiếm lại thành Quy Nhơn đầu năm 1802 vẫn phải bỏ thành đem quân ra ứng cứu. Tại Nghệ An, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân cùng nhiều tướng lĩnh Tây Sơn bị bắt; Nguyễn Quang Toản, Nguyễn Quang Duy, Nguyễn Quang Thiệu bỏ thành Thăng Long chạy lên Kinh Bắc rồi cũng bị bắt. Triều Tây Sơn chính thức sụp đổ.

Qua những biến động của lịch sử, có thể khẳng định vua Quang Trung ra đi khi nghiệp lớn chưa thành, thế lực Nguyễn Ánh có cơ hội hồi phục ở Gia Định, nhưng nội bộ Tây Sơn vốn dĩ thiếu thống nhất, không có người đủ sức cầm chịch

tạo thành đối trọng với họ Nguyễn. Do vậy, dù tài năng quân sự của Nguyễn Ánh không bằng Nguyễn Huệ, nhưng Quang Trung quá đơn độc trong hàng ngũ những người đồng sự của mình, không ai đủ sức trở thành lãnh đạo tối cao sau Quang Trung để tiếp nối sự nghiệp, nên những mộng ước của Quang Trung dang dở là điều khó tránh khỏi.

Trong cuộc chiến chống lại Tây Sơn, Nguyễn Ánh thường chứng tỏ lòng kiên trì, ý chí bền bỉ kèm thêm may mắn khi nhiều lần thoát nạn trước sự truy đuổi của Tây Sơn. Nhưng bên cạnh đó, Nguyễn Ánh luôn biết tận dụng cơ hội thu phục nhân tâm bằng những chính sách kinh tế cụ thể và kịp thời ở những vùng vừa đánh chiếm, như ở Gia Định, Phú Yên, Phú Xuân... Việc làm của Nguyễn Ánh chưa lớn lao, nhưng đặt trong bối cảnh anh em Tây Sơn bắt nhất về chính sách xã hội, thiếu quan tâm tổ chức đời sống cho dân chúng, nên đã dần thay đổi sự tương quan ủng hộ của quần chúng giữa hai thế lực. Rốt cùng, tư tưởng tiến bộ của Quang Trung đã một phần bị méo mó dưới quyền lực của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Quang Toàn và nhiều tướng lĩnh, thân thuộc; dẫn đến hệ quả đánh mất niềm tin của quần chúng.

Dưới triều Quang Toàn, yếu tố ngoại thích nổi trội và tư tưởng bất phục giữa các tướng lĩnh ngang hàng nhau cũng là lý do khiến Tây Sơn suy yếu. Nhiều tướng lĩnh Tây Sơn từ bỏ hàng ngũ theo Nguyễn Ánh; đến mức anh em chú bác ruột cũng tranh giành quyền lực lẫn nhau, dẫn đến sự đầu hàng Nguyễn Ánh của Nguyễn Quang Bảo (con của Nguyễn Nhạc) và bị vua Quang Toàn trừng trị. Đó là điềm tận cùng của định mệnh oan nghiệt của lịch sử.

Thêm vào đó, tướng lĩnh Tây Sơn phần lớn là con nhà võ, nhưng công cuộc trị quốc thường do những văn nhân thời Lê đứng ra giúp sức. Vai trò của vua Quang Trung rất quan trọng trong việc điều hòa mâu thuẫn giữa hai ban văn - võ, nên khi vua ra đi, kéo theo cả những mâu thuẫn vốn nhỏ nhất trở thành lớn hơn. Lề lối cai trị kiểu gia trưởng của Bùi Đắc Tuyên hẳn là mâu thuẫn với quan niệm tổ chức quốc gia theo Nho giáo mà Trần Văn Kỷ thừa hưởng và đã chứng tỏ đúng trong thời gian vua Quang Trung trọng đãi ông.⁽⁵⁾

Hoàng đế Quang Trung là nhân vật vĩ đại trong lịch sử dân tộc cuối thế kỷ XVIII, nhưng ông không thể biến những ước vọng cá nhân thành hiện thực, bởi lịch sử chỉ sản sinh một “Quang Trung đại đế” mà không thể tạo nên “thời đại Quang Trung” đúng nghĩa. Những đóng góp của nhà Tây Sơn đối với dân tộc vô cùng lớn lao, không ai có thể phủ nhận; nhưng họ đã không thể vượt qua cái bóng của chính mình vì có quá nhiều hạn chế như đã nói trên. Đó là nguyên nhân sâu xa dẫn đến việc Nguyễn Ánh có thể lập nên vương triều Nguyễn và trở thành Hoàng đế Gia Long vào đầu thế kỷ XIX.

Vậy, Gia Long khi đã trở thành hoàng đế có còn như là Nguyễn Ánh ?

Lập nên vương triều Nguyễn, Gia Long tiếp tục sử dụng và ưu đãi những công thần người Pháp theo giúp mình. Những Chaigneau, Vannier, De Forçant, Despiaux được cho làm quan trong triều, thậm chí được ban quốc tính (theo họ nhà

vua). Các phái bộ và thương thuyền Pháp đến Đà Nẵng, Huế được tiếp đón trọng thị, chu đáo, cho miễn giảm thuế quan. Công việc truyền giáo tuy không được khuyến khích nhưng chưa bị triều đình ngăn trở.

Tuy vậy, trong 18 năm trị vì, vua Gia Long chưa hề để các võ quan Pháp được quyền chen vào việc triều chính, quyền lực của họ bị giới hạn và bị kiểm soát, và nhà vua luôn từ chối khéo léo yêu cầu thiết lập quan hệ bang giao hai nước trước các phái bộ Pháp. Gia Long “nhiều lần tỏ ra rất hài lòng về việc trước kia không nhận được viện binh của triều đình Louis XVI vào năm 1787, và do đó không bị ràng buộc phải trao đặc quyền cho nước Pháp”.⁽⁶⁾ Và đương nhiên, nhà vua “vẫn giữ gìn không thất chặt mối liên lạc chính thức cũng như các cam kết chính trị với chính phủ phương Tây để khỏi sa vào những lỗi lầm dẫn đến số phận như nước Ấn”.⁽⁷⁾

Ngay giữa thế kỷ XIX, Đại úy A. Girard thuộc Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp trong báo cáo ngày 20/12/1858 tại Paris đã viết về câu chuyện cầu viện nước Pháp của Nguyễn Ánh như sau:

“Gia Long (lúc ấy còn đang là Nguyễn Ánh) đã thuận theo đề nghị của Giám mục Adran (tức Pigneau de Béhaine), cử ông ấy sang Pháp cùng vị hoàng tử là con trai của mình (Hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh), để yêu cầu sự giúp sức của quốc gia hào hiệp này.

Đức Giám mục và hoàng tử đã đến Versailles (cung điện ở hoàng cung nước Pháp) vào năm 1787... Ngày 28 tháng 11 năm 1787, dưới sự hiện diện của vua Louis XVI, các Thượng thư de Vergennes và de Montmorin đã ký kết một hiệp ước quy định nhượng lại vịnh Đà Nẵng và vùng đất phụ thuộc sâu vào lãnh thổ 30km, tương đương hơn 7 dặm (dặm Pháp cũ, mỗi dặm bằng 3,898km). Pháp sẽ cung cấp cho Gia Long 20 tàu chiến, 7 trung đoàn - trong đó gồm 5 trung đoàn lính châu Âu và 2 trung đoàn lính thuộc địa, cùng một triệu đồng bạc (nguyên văn: piastre, tức đồng tiền Mexicana đúc bằng bạc)⁽⁸⁾ mà 50% được quy đổi bằng thuốc nổ, súng thần công và vũ khí các loại.

Vua Đàng Trong đã đưa sáu mươi ngàn lính quay trở lại với sự sắp đặt của chúng ta. Hạm đội mang theo đoàn quân viễn chinh đã đến Pondichéry (vùng đất ở Ấn Độ thuộc Pháp) vào cuối năm 1788. Những lý do chính trị vẫn còn chưa rõ - thâm hụt tài chính hoặc linh cảm về các sự biến khủng khiếp và kéo dài trút xuống ở Pháp và châu Âu,⁽⁹⁾ khiến hạm đội được lệnh triệu hồi”.⁽¹⁰⁾

Mặc dù nước Pháp không thể thi hành hiệp ước do khó khăn chính trị từ nội tình đất nước, song giáo sĩ Pigneau de Béhaine đã đeo đuổi ý tưởng của mình đến cùng bằng việc chủ động đứng ra chiêu mộ đội quân tình nguyện và thuê mướn các tàu thương mại của Pháp ở Ấn Độ về giúp chúa Nguyễn tái khởi động chiến sự để khôi phục vương quyền. Báo cáo của A. Girard tường thuật khá chi tiết câu chuyện này, bao gồm cả việc tán dương tinh thần cao quý và những đóng góp to lớn của đội ngũ tình nguyện viên người Pháp:

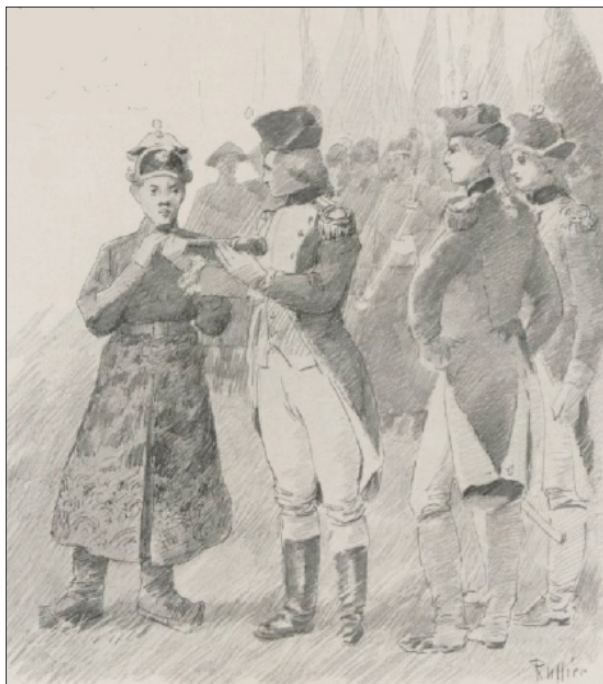
“Giám mục Adran, được trang bị hiệp ước ngày 28 tháng 11 năm 1787, đã thành công trong việc thuê mượn nhiều tàu thương mại của đất nước chúng ta (nước Pháp) ở Ấn Độ, và tuyển mộ được chừng hai mươi sĩ quan cùng lính thủy Pháp tham gia vào cuộc viễn chinh của ông. Việc cam kết này diễn ra dưới sự chứng kiến và chấp thuận của những quan chức Pháp có quyền lực ở Ấn Độ. Lực lượng hậu bị này phải tìm đến nơi đây (Ấn Độ) để thành lập gồm những người lính tận tụy đã ngừng phục vụ nước Pháp; song họ muốn giành lấy, cho cuộc đời mình, những phẩm giá và danh vị cao quý tại những xứ sở xa xôi chưa được khám phá này.

Một kinh hạm trang bị 20 đại bác, do de Rosilly (François Étienne de Rosilly, sĩ quan hải quân Pháp lúc ấy) chỉ huy, đã đến Đàng Trong, mang theo Giám mục Adran và vị hoàng tử, con trai và là người thừa kế sự nghiệp của Gia Long. Chiếc kinh hạm khôn khéo theo đuôi những tàu thuê mượn chở các lính tình nguyện người Pháp...

Những sĩ quan quả cảm này và những người bạn tình nguyện của họ, trong khoảng vài năm, đã giúp Gia Long khôi phục vương quốc Đàng Trong của mình, cộng thêm vương quốc Đàng Ngoài và cuối cùng đã tái lập đế chế An Nam”.⁽¹¹⁾

Lực lượng tình nguyện do giáo sĩ Pigneau de Béhaine tuyển mộ tuy không nhiều, nhưng cũng đủ giúp Nguyễn Ánh có tinh thần quay trở lại miền Nam để tái khởi động cuộc chiến chống Tây Sơn. Sự nhầm lẫn của dư luận về đội quân tình nguyện vốn không phải do triều đình Pháp cử sang thành đội tiên quân của nước Pháp, khiến Nguyễn Ánh được hưởng lợi về thanh thế. Kết quả là Nguyễn Ánh không chỉ khôi phục được Đàng Trong, mà còn chiếm được cả đất Đàng Ngoài, tạo ảnh hưởng ở cả Cam Bốt và Lào, tái lập nên đế chế An Nam thống nhất với phạm vi lãnh thổ rộng lớn hơn trước và lên ngôi hoàng đế. Báo cáo của A. Girard nêu:

“Khi nghe tin con trai trở về, Gia Long rời đảo Phú Quốc để tái khởi động chiến sự, và đã trở lại Sài Gòn, nơi Giám mục Adran, con trai ông và những người lính tình nguyện Pháp đến tham gia...



Hình 2: Hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh với các sĩ quan Pháp là Chaigneau, Dayot và Vannier qua tranh minh họa của L. Ruffier đăng trên tờ *La Dépêche coloniale illustrée*. N° 3. le 15 Février 1909. Paris.

Có một sự thay đổi hoàn toàn về tinh thần, được tạo ra bởi niềm tin rằng chiếc khinh hạm do de Rosilly chỉ huy và các tàu thuê mượn (để giúp Nguyễn Ánh), chỉ mới là đội tiền quân của cuộc viễn chinh vĩ đại được công bố. Tin đồn này thuận lợi cho sự nghiệp của Gia Long, được loan truyền và duy trì một cách khôn khéo. Hơn nữa, de Rosilly hoạt động dọc theo bờ biển với tài liệu thủy văn thu thập được ở Kho lưu trữ Hải quân; và một khinh hạm gồm hai mươi khẩu đại bác mang cờ Pháp xuất hiện thường xuyên trước các vịnh và hải cảng ở nhiều bờ biển, có khả năng kích thích trí tưởng tượng và rất dễ dàng lưu giữ những tin đồn này với sự phóng đại khi chúng được loan truyền, đặc biệt là khi người ta nhận ra rằng Đàng Trong chưa bao giờ có tàu chiến riêng (tàu biển hạng nặng), cũng như không có thành phố quan trọng nào nằm bên bờ biển.

Các sĩ quan Pháp huấn luyện những người lính thuộc đơn vị do họ thành lập và được tổ chức như một đội quân châu Âu. Tiếp đó, họ đã thành lập một lực lượng hải quân. Các cuộc tấn công được tái diễn ở khắp mọi nơi, và, sau mười năm chiến đấu,... Gia Long đã có thể đứng chân tại Huế”⁽¹²⁾

Về quan hệ với triều Nguyễn, báo cáo của A. Girard khẳng định việc gián đoạn giao thương từ phía Pháp diễn ra trong một thời gian khá dài, nhưng từ năm 1817, nước Pháp đã nỗ lực để tái lập mối quan hệ thân thiện bằng việc tăng cường các tàu thương mại đến An Nam. Sự tiếp đãi mang tính xã giao của triều Nguyễn chỉ tốt đẹp trong vài năm cuối triều Gia Long; song ngay chính Gia Long trước lúc sắp sửa băng hà vẫn khước từ thẳng thừng đề nghị công nhận Hiệp ước Versailles, khi sứ thần Pháp đặt vấn đề nối lại mối quan hệ cũ.

Quan hệ hai nước lạnh nhạt dần từ năm 1820, khi Minh Mạng kế vị Gia Long, đến mức các công thần người Pháp cuối cùng trong triều phải quyết định hồi hương vào năm 1825. Nhiều tàu thuyền nước Pháp tiếp tục đến sau đó, nhưng thái độ của triều Nguyễn đã chuyển sang thiếu niềm nở. Nỗ lực tái lập quan hệ của nước Pháp bất thành. Báo cáo của A. Girard dẫn chứng nhiều chi tiết sau:

“Việc chấm dứt giao thương hàng hải dưới chế độ cộng hòa và dưới chế độ đầu tiên (sau Cách mạng Pháp), chỉ tạm ngưng từ ngày 25 tháng 3 năm 1802 đến tháng 5 năm 1803, lúc kết thúc và hủy bỏ Hiệp ước Amiens.⁽¹³⁾ Trên thực tế, sự gián đoạn đó kéo dài 28 năm, từ năm 1788 đến năm 1816.

Vào năm 1816, khi bắt đầu phục hưng lần thứ hai, các nỗ lực đã được thực hiện để hồi sinh bằng các hoạt động thương mại. Các hãng Balguerie và Sargot ở Bordeaux đã đem một chuyến hàng đầu tiên vào năm 1817, sau đó là vào năm 1819, bằng các tàu ba cột buồm la Rose và le Henri. Các tàu này neo đậu tại Đà Nẵng. Gia đình Chaigneau (rời Huế vào Đà Nẵng để về Pháp) đã lên tàu la Henri và đến Paris, nơi ông được vua Louis XVIII tiếp đón, và cũng là người đã khiến Chaigneau trở lại Huế để tiếp tục vai trò tận tâm cống hiến cho nước Pháp.

Trong thời gian vắng mặt Chaigneau, khinh hạm “la Cybèle” trang bị 40 đại bác, do Kergariou chỉ huy (Joseph François René de Kergariou, sĩ quan Pháp), với nhiệm vụ nổi lại và thuyết phục (Gia Long), nếu có thể, công nhận hiệp ước ngày 28 tháng 11 năm 1787 (Hiệp ước Versailles), hiện diện ở vịnh Đà Nẵng.

Hoàng đế Gia Long đã gần băng hà, nhà vua không có các sĩ quan Pháp bên cạnh (Chaigneau và Vannier) tại thời điểm này; còn hoàng tử (Nguyễn Phúc Cảnh), con trai ông, người tham gia ký kết hiệp ước, đã chết, và con cái của ông thì mơ hồ về việc này. Hoàng đế Gia Long đưa ra lời khuyên theo hướng ngược lại với lợi ích từ các mối quan hệ của chúng ta, từ chối xác nhận hiệp ước bằng một cáo buộc rằng ông đã ban tặng một quẻ hương cho những người Pháp có công trạng lớn với mình...

Trên thực tế, hiệp ước năm 1787, mà Giám mục Adran và con trai của Gia Long là những người mang theo khi trở về Ấn Độ, đã hỗ trợ về mặt tinh thần và thúc đẩy việc cho thuê mướn của các tàu thương mại Pháp. Chiếc khinh hạm trang bị 20 đại bác, được chỉ huy bởi de Rosilly, và các tàu thương mại đi cùng, đã giúp cho Gia Long lên tinh thần. Và, có thể thấy rõ rằng, sự hỗ trợ hữu hình bao trùm chính là lá cờ của nước Pháp; đó là sự trợ giúp trực tiếp của quốc gia này, khiến một số sĩ quan Pháp mang nặng ý thức về quốc tịch của họ đã quyết định tình nguyện giúp sức, để Gia Long không chỉ khôi phục vương quốc của mình, mà còn tái lập đế chế An Nam trước đây”.⁽¹⁴⁾

Trong việc truyền ngôi, vua Gia Long đã không chọn đích tôn của mình (con của Hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh), vì e ngại ảnh hưởng của Pháp lên đến tận ngại vàng. Và bất chấp sự phản đối của nhiều đình thần, nhà vua vẫn chọn hoàng tử thứ 4 là Nguyễn Phúc Đảm (sau là vua Minh Mạng) làm người kế vị. Chọn một hoàng tử nổi tiếng có tinh thần bài ngoại và bài xích Công giáo ra mặt làm vua thay mình, đó không hề là một sự ngẫu nhiên không tính toán.⁽¹⁵⁾

Sự cay đắng của người Pháp trong việc chọn người kế vị của vua Gia Long được thể hiện rất nhiều trong các tài liệu công bố hoặc đánh giá của họ.

Đầu thế kỷ XX, trên tờ *La Dépêche coloniale illustrée* do J. Paul Trouillet làm chủ sự, số 3 năm 1909, đã viết về việc vua Gia Long truyền mật chỉ cho Minh Mạng rằng:

“Gia Long tiếp tục cho đồng bào của chúng ta (những người Pháp giúp Gia Long) thấy lòng nhân từ và luôn thể hiện sự biết ơn của ông. Nhưng các hoạt động trong triều đình của họ ngày càng bị hạn chế và một trong những khuyến nghị cuối cùng của Gia Long khi sắp chết, vào năm 1820, cho người kế vị của ông (Minh Mạng) là: Con nên yêu mến người Pháp, luôn biết ơn họ vì những gì họ đã làm cho chúng ta, nhưng đừng bao giờ cho phép họ đặt chân vào đế chế của mình.

Từ lời khuyên này, những người kế vị Gia Long đã tuân thủ tiếp nối nhau, cho đến người cuối cùng; trên thực tế, họ đã quên rất nhanh, các cống hiến từ phía đồng bào của chúng ta cho sự nghiệp của họ”.⁽¹⁶⁾

Nhận xét về tính cách và quan điểm của vua Minh Mạng, Charles-Émile Bouillevaux vào giữa thế kỷ XIX cũng đã viết trong hồi ký của mình rằng:

“Con trai và là người kế vị của Gia Long là Minh Mạng. Hoàng tử này tự cao và dữ dội, nhưng lại rất lo lắng về những bước tiến mà người Anh đã đạt được trong một phần tư thế kỷ ở vùng Đông Á, tự xưng là kẻ thù của người châu Âu và phớt lờ những đóng góp mà người Pháp đã cống hiến cho cha mình. Minh Mạng luôn thành kiến với các võ quan Pháp và buộc họ phải rời khỏi An Nam. Chẳng bao lâu sau khi lên ngôi, ông tuyên bố sẽ bắt bớ các Kitô hữu một cách công khai và dùng những hình phạt khủng khiếp nhất đối với một số đồng bào của chúng ta và cả những thân dân theo đạo”.⁽¹⁷⁾

Với sự kế vị của Minh Mạng từ những tính toán và sắp xếp của Gia Long, nỗi niềm thâm kín của vị vua đầu triều Nguyễn trong quan hệ với nước Pháp đã trở thành hiện thực. Đại úy A. Girard viết trong báo cáo năm 1858:

“Cybèle là chiếc tàu chiến cuối cùng được chào đón nồng nhiệt ở Đàng Trong. Khinh hạm Thétys và hải phòng hạm Espérance bị tiếp đón lạnh nhạt vào giữa năm 1820 (lúc này vua Minh Mạng đã nối ngôi).

Chaigneau khởi hành trở lại từ nước Pháp trên con tàu của thành phố Bordeaux mang tên “la Rose”, với chức danh Lãnh sự và là đại diện của vua nước Pháp ở An Nam, đến nơi vào cuối năm 1820. Gia Long đã băng hà trong thời gian Chaigneau vắng mặt, và Minh Mạng, con trai thứ, cũng là người kế vị, được chọn trong số hai hoàng tử sáng giá nhất, đã thay đổi hoàn toàn chính sách của cha mình bằng cách kết thân với người Trung Hoa hơn là với người châu Âu. Chaigneau đã phải đấu tranh chống lại một chính sách quý quyết, rất thiếu thiện cảm, và đầy bảo thủ (của Minh Mạng) cho đến năm 1825, giữ nguyên vẹn phẩm giá của nước Pháp mà ông là người đại diện chính thức. Đến thời điểm đó, Chaigneau rời khỏi An Nam, và Vannier cũng cùng theo bước: với sự ra đi của họ, tất cả hy vọng duy trì quan hệ thân thiện đã tan biến”.⁽¹⁸⁾

3. Lời kết

200 năm sau kể từ lúc vị vua đầu tiên của triều Nguyễn qua đời (1820-2020), với những chứng liệu đã phân tích nói trên, rõ ràng có một sự khác nhau đến mức hoàn toàn tương phản từ Nguyễn Ánh đến Gia Long với hai mảng “mờ - tỏ” rõ ràng. Mảng “mờ” thuộc về hậu duệ của các chúa Nguyễn dưới tên gọi Nguyễn Ánh; mảng “tỏ” thuộc về vị vua mở đầu vương triều Nguyễn dưới tên gọi Gia Long.

Khác với thời còn là Nguyễn Ánh chỉ lo đốc sức khôi phục cơ đồ dòng họ bất chấp thủ đoạn, vua Gia Long đã tìm mọi cách để sửa chữa quá khứ, quyết tâm giữ vững nền độc lập, tự chủ và định hướng căn bản cho chủ trương gạt bỏ mọi mối nguy lệ thuộc vào nước Pháp nói riêng, phương Tây nói chung, được lưu truyền qua nhiều vị vua kế nhiệm; xây dựng một đất nước có lãnh thổ rộng lớn, thống nhất, hùng cường cả về vật thể và phi vật thể; đồng thời hiên ngang vươn ra biển lớn mang tầm quốc tế, bằng việc chính thức xác lập chủ quyền quốc gia về mặt Nhà nước ở các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ năm 1816, tạo cơ sở pháp lý quốc tế vững chắc muôn đời cho đất nước để đối phó với mọi tranh chấp quốc tế đã và đang diễn ra.

Hai nửa cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ánh - Gia Long là một “đại bi kịch lịch sử” ở Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX.

Lịch sử dân tộc không thể bỏ qua “vết mờ” mà Nguyễn Ánh đã dính vào – dù động lực cầu viện nước ngoài của Nguyễn Ánh cũng có thể ít nhiều liên quan đến xu thế liên minh quyền lực hay liên minh khu vực, một hiện tượng khá phổ biến trong các cuộc tranh chấp quyền lực ở nhiều nơi trên thế giới thời trung-cận đại; bởi đó là nguyên tắc của một quốc gia có truyền thống luôn đề cao tinh thần yêu nước và tôn thờ các quyền cơ bản, thiêng liêng của dân tộc là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Nhưng, mảng sáng của Gia Long thì lịch sử cũng không thể không thừa nhận và ghi công, bởi tinh thần và những cống hiến, đóng góp của vị vua này trong việc xây dựng một đất nước hùng cường, lãnh thổ rộng lớn, thống nhất, xác lập được chủ quyền về mặt Nhà nước cả ở đất liền và biển đảo với đầy đủ giá trị pháp lý quốc tế, không chỉ mang tính nhất thời, mà mãi mãi song hành cùng với sự trường tồn của quốc gia, dân tộc Việt Nam.

N Q T T

CHÚ THÍCH

- (1) Đỗ Đức Hùng và nhiều tác giả. (2001). *Việt Nam những sự kiện lịch sử (Từ khởi thủy đến 1858)*. Nxb Giáo dục. Hà Nội. Tr. 366.
- (2) Chu Quang Trứ. (1999). “Danh nhân Lê Ngọc Hân”. <http://vietsciences.free.fr>. Truy cập ngày 5/3/2008.
- (3) Đỗ Đức Hùng và nhiều tác giả. (2001). Sđd. Tr. 379-380.
- (4) Đỗ Đức Hùng và nhiều tác giả. (2001). Sđd. Tr. 383.
- (5) Xem thêm: Nguyễn Quang Trung Tiến. (2008). “Xã hội Việt Nam thời hậu Quang Trung và những định mệnh lịch sử”. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Tây Sơn - Thuận Hóa và anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ - Quang Trung*. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam - Hội Khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế.

- (6) Charles B. Maybon. (1920). *Histoire moderne du pays d'Annam (1592-1820)*. Paris. P. 398.
- (7) Cao Huy Thuần. (1988). *Đạo Thiên chúa và chủ nghĩa thực dân tại Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ quốc gia. Đại học Paris. Huong Que Copyright. Los Angeles. Tr. 51.
- (8) Piastre là đồng bạc Mexicana của Mexico, thuộc địa của Tây Ban Nha, đúc bằng kim loại bạc, thường được dân gian gọi là đồng con cò, đồng hoa xòe, đồng bạc trắng, rất thông dụng ở thị trường Viễn Đông lúc bấy giờ.
- (9) Vào thời điểm sau ngày ký Hiệp ước Versailles cuối năm 1787, làn sóng cách mạng lật đổ chế độ phong kiến đang dâng trào ở Pháp, và Cuộc cách mạng Pháp nổ ra ngay sau đó, năm 1789.
- (10) A. Girard. (20/12/1858). *Étude sur la Tourane et la Cochinchine*. Paris - Librairie Militaire, Maritime et Polytechnique, Libraire-éditeur, et libraire-commissionnaire J. Corréard, Paris. 1859. p. 14-28.
- (11) A. Girard. (20/12/1858). *Étude sur la Tourane et la Cochinchine*. op. cit.. p. 14-28.
- (12) A. Girard. (20/12/1858). *Étude sur la Tourane et la Cochinchine*. op. cit.. p. 14-28.
- (13) Hiệp ước Amiens tạm thời chấm dứt các cuộc chiến giữa Pháp và Anh trong cuộc Cách mạng Pháp, được ký kết tại thành phố Amiens vào ngày 25 tháng 3 năm 1802.
- (14) A. Girard. (20/12/1858). *Étude sur la Tourane et la Cochinchine*. op. cit.. p. 14-28.
- (15) Xem thêm: Nguyễn Quang Trung Tiến. (1999). “Hệ quả cuộc cách mạng 1789 đối với diễn trình thâm nhập Việt Nam của chủ nghĩa tư bản Pháp và tấn bi kịch Gia Long”. Tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ*. Số 1 (23). Huế.
- (16) *La Dépêche coloniale illustrée*. N° 3. le 15 Février 1909. Paris. p. 30.
- (17) Charles-Émile Bouillevaux. *Voyage dans l'Indo-Chine 1848-1856*. Librairie de Victor Palmé. Paris. 1858.
- (18) A. Girard. (20/12/1858). *Étude sur la Tourane et la Cochinchine*. op. cit.. p. 14-28.p. 84-85.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Charles-Émile Bouillevaux. (1858). *Voyage dans l'Indo-Chine 1848-1856*. Librairie de Victor Palmé. Paris.
- A. Girard. (20/12/1858). *Étude sur la Tourane et la Cochinchine*. Paris - Librairie Militaire. Maritime et Polytechnique. Libraire-éditeur. et libraire-commissionnaire J. Corréard. Paris. 1859.
- Đỗ Đức Hùng và nhiều tác giả. (2001). *Việt Nam những sự kiện lịch sử (Từ khởi thủy đến 1858)*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
- *La Dépêche coloniale illustrée*. N° 3. le 15 Février 1909. Paris.
- Charles B. Maybon. (1920). *Histoire moderne du pays d'Annam (1592-1820)*. Paris.
- Cao Huy Thuần. (1988). *Đạo Thiên chúa và chủ nghĩa thực dân tại Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Quốc gia. Đại học Paris. Huong Que Copyright. Los Angeles.
- Nguyễn Quang Trung Tiến. (1999). “Hệ quả cuộc cách mạng 1789 đối với diễn trình thâm nhập Việt Nam của chủ nghĩa tư bản Pháp và tấn bi kịch Gia Long”. Tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ*. Số 1 (23). Huế.
- Nguyễn Quang Trung Tiến. (2008). “Xã hội Việt Nam thời hậu Quang Trung và những định mệnh lịch sử”. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Tây Sơn - Thuận Hóa và anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ - Quang Trung*. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam - Hội Khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế.

TÓM TẮT

Sau 200 năm sau kể từ lúc vị vua đầu tiên của triều Nguyễn qua đời (1820-2020), việc phân tích sự khác nhau hoàn toàn từ Nguyễn Ánh đến Gia Long với hai mảng “mờ - tỏ” rõ ràng cho thấy rằng khác với thời còn là Nguyễn Ánh chỉ lo dốc sức khôi phục cơ đồ dòng họ bất chấp thủ đoạn, vua Gia Long đã tìm mọi cách để sửa chữa quá khứ, quyết tâm giữ vững nền độc lập, tự chủ và định hướng căn bản cho chủ trương gạt bỏ mọi mối nguy lệ thuộc vào nước Pháp nói riêng, phương Tây nói chung, được lưu truyền qua nhiều vị vua kế nhiệm; xây dựng một đất nước có lãnh thổ rộng lớn, thống nhất, hùng cường cả về vật thể và phi vật thể; đồng thời hiên ngang vươn ra biển lớn mang tầm quốc tế, bằng việc chính thức xác lập chủ quyền quốc gia về mặt Nhà nước ở các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ năm 1816, tạo cơ sở pháp lý quốc tế vững chắc muôn đời cho đất nước để đối phó với mọi tranh chấp quốc tế đã và đang diễn ra.

ABSTRACT

NGUYỄN ÁNH - GIA LONG: A VIEW AFTER TWO HUNDRED YEARS

Two hundred years after the death of the first emperor of the Nguyễn Dynasty (1820-2020), the analysis of the differences from Lord Nguyễn Ánh to Emperor Gia Long in two “confusion – clarity” periods shows that during the time of trying to take back his ancestors’ kingdom, Nguyễn Ánh did all things regardless of any tricks; meanwhile, when being an emperor, Gia Long tried to correct what he did in the past, determined to maintain independence and autonomy, as well as creating basic orientation for eliminating all threats from France in particular and the West in general, which handed down through many successive kings to build a country with a vast, united and powerful territory both tangible and intangible, at the same time, reaching out to the sea, by formally establishing the national sovereignty on Paracel and Spratly Islands since 1816, creating a solid international legal basis for the country to deal with all international disputes which have been happening.